

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN KHÁNH DƯ

THÔNG BÁO
CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- Đối với lớp Một: Các em sinh năm 2017 thuộc địa bàn phường Tân Định được quy định trong Kế hoạch theo Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về Ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023-2024. - Đối với các lớp còn lại: Ưu tiên nhận các học sinh trên địa bàn phường Tân Định theo số lượng thực tế phù hợp với số học sinh chuyển đi.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Đảm bảo thực hiện theo đúng Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT, thực hiện theo quy định về nội dung, chương trình dạy và học số 896/BGDĐT, thực hiện theo chương trình nội dung điều chỉnh của văn bản 5842/BGDĐT đối với HS lớp 5. - Đối với lớp 1, 2, 3 và 4: thực hiện đúng theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GDĐT về Chương trình giáo dục phổ thông. - Đảm bảo theo kế hoạch và hướng dẫn các hoạt động phong trào của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<u>Trong trường:</u> - Thực hiện tốt các mối quan hệ theo chức năng phối hợp, tham mưu, tư vấn theo quy định. - Phát huy tinh thần dân chủ trong cơ quan, tổng hợp các ý kiến để cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. - Xây dựng Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức, Hội đồng trường, tổ chức đánh giá kiểm điểm định kì hàng quý để có những biện pháp khắc phục những yếu kém. <u>Ngoài trường:</u> + Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo - Ủy ban Nhân dân Quận 1: - Thực hiện tốt các mối quan hệ chỉ huy – chấp hành: Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo chỉ đạo của cấp trên, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu được giao. - Tham dự họp đầy đủ, báo cáo tình hình trường lớp và có ý kiến đề xuất giúp đỡ nhà trường trong những khó khăn, sửa chữa. + Đối với Chính quyền và các Đoàn thể ở địa phương: - Thực hiện tốt các mối quan hệ phối hợp và tham mưu theo chức năng. - Tham gia và có những ý kiến đề xuất để giải quyết các vấn đề giáo dục ở địa phương qua các kì họp Hội đồng Giáo dục. - Thực hiện mời các vị lãnh đạo phường tham dự với trường trong các ngày lễ lớn của trường tổ chức.				

		- Lãnh đạo chính quyền địa phương tham gia vào Hội đồng trường. + <i>Đối với cha mẹ học sinh:</i> - Thường xuyên liên lạc, đảm bảo mối quan hệ phối hợp cùng chăm lo giáo dục học sinh, tạo điều kiện thuận lợi để trường hoàn thành tốt nhiệm vụ. - Tổ chức đúng quy định Đại hội cha mẹ học sinh, hướng dẫn và triển khai hoạt động Hội theo đúng Điều lệ. - Tham dự họp, báo cáo tình hình trường lớp, đề xuất ý kiến giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác giáo dục theo lịch họp của Ban đại diện. - Mời Ban đại diện tham gia với nhà trường trong những hoạt động chủ điểm, các ngày lễ lớn trong năm. - Đại diện Ban Đại diện CMHS trường tham gia vào Hội đồng trường. • <u><i>Yêu cầu đối với thái độ học tập của học sinh:</i></u> - Thực hiện theo Thông tư về đánh giá học sinh Tiểu học số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT đối với các lớp 5. - Thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá, xếp loại học sinh lớp 1, 2, 3 và 4.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Thực hiện các hoạt động tập thể phong phú như: Phát thanh măng non, triển lãm giáo dục, vẽ tranh, làm báo tường, các hoạt động theo chủ đề. - Tham quan học tập ngoài nhà trường để mở rộng kiến thức đã học. - Duy trì các câu lạc bộ hiện hữu và đẩy mạnh các hoạt động câu lạc bộ khác như: võ thuật, múa, vẽ,...
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh đạt được	1. Học sinh: • Duy trì sĩ số: 100% • Lên lớp: 99,5% • Hoàn thành chương trình tiểu học: 100% • Hiệu suất đào tạo: 99,5% • Tham gia đầy đủ và có thành tích các hội thi phong trào của học sinh. • Phổ cập bơi học sinh lớp 3: 100% 2. Tập thể: • Tập thể Lao động xuất sắc • Duy trì đạt Cấp độ 1 kiểm định chất lượng giáo dục. • Liên đội: Xuất sắc
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đảm bảo chất lượng tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định để học sinh thực chất có thể tiếp tục học ở khối lớp tiếp theo.

Quận 1, ngày 05 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN KHÁNH DƯ

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ
NĂM HỌC 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	408	69	70	98	83	88
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	408	69	70	98	83	88
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	373 (91,5%)	59 (85,5%)	57 (81,4%)	93 (94,9%)	80 (96,4%)	84 (95,5%)
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	32 (7,8%)	8 (11,6%)	13 (18,6%)	5 (5,1%)	2 (2,4%)	4 (4,5%)
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0,7%)	2 (2,9%)	0	0	1 (1,2%)	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	283 (69,3%)	40 (58%)	47 (67,1%)	67 (68,4%)	59 (74,7%)	70 (79,6%)
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	15 (3,7%)	4 (5,8%)	2 (2,9%)	0	3 (3,8%)	06 (6,8%)
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	108 (26,5%)	23 (33,3%)	21 (30%)	31 (31,6%)	21 (26,5%)	12 (13,6%)
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0,5%)	2 (2,9%)	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	406 (99,5%)	67 (97,1%)	70 (100%)	98 (100%)	83 (100%)	88 (100%)
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	306 (75,0%)	46 (66,6%)	52 (74,3%)	73 (74,5%)	65 (78,3%)	70 (79,5%)
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	36 (8,8%)	0	0	0	15 (18,1%)	21 (23,7%)
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0,5%)	2 (2,9%)	0	0	0	0

Quận 1, ngày 05 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN KHÁNH DƯ

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	18/15	1 m ² /học sinh
II	Loại phòng học	18	
1	Phòng học kiên cố	18	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	1023	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	380	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	864	
2	Diện tích thư viện (m ²)	72	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	96	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	106	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	58	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	24	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	38	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	17	01 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	11	
1.1	Khối lớp 1	5	
1.2	Khối lớp 2	3	
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4	0	
1.5	Khối lớp 5	3	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	6	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	3	
2.4	Khối lớp 4	3	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	01 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	22	01 thiết bị/lớp
1	Ti vi	01	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverLead/projector/vật thể	0	
5	Bảng tương tác	04	
6	Máy chiếu	15	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Theo phòng học		
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1/1	0	4/4	0	0.3/0.3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(* Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ Trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 1, ngày 05 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN KHÁNH DƯ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Thỉnh giảng (HĐ)	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
				TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	39	16	0	1	26	0	2	10	0	8	13	17	4		
I	Giáo viên															
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:															
1	Nhiều môn	15	1			15					5	9	12	2		
2	Ngoại ngữ	3	2			3						1	1			
3	Tin học	2	1			2					1		1			
4	Âm nhạc	1	1			1										
5	Mỹ thuật	1	1			1										
6	Thể dục (GDTC)	2				2					1	1	1	1		
7	Công nghệ	1				1						1		1		
II	Cán bộ quản lý															
1	Hiệu trưởng	1			1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1				1					1		1			
III	Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư	0														
2	Nhân viên kế toán	1						1								
3	Thủ quỹ	0														
4	Nhân viên y tế	0														
5	Nhân viên thư viện	1						1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0														
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0														
9	Nhân viên bảo vệ	1	1						1							
10	Nhân viên phục vụ	2	2						2							
11	Nhân viên bảo mẫu	7	7						7							

Quận 1, ngày 05 tháng 6 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Phúc